



Câu hỏi LSD - tóm tắt các câu hỏi lịch sử đảng

Lịch Sử Đảng (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)



Scan to open on Studocu

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu hỏi: Các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?.....	1
Câu hỏi: Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?.....	2
Câu hỏi: Công lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam?.....	3
Câu hỏi: Tại sao nói Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng CSVN (2-1930) thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo?.....	5
Câu hỏi: Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đối với cách mạng Việt Nam?.....	6
Câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng (thể hiện tại HNTU lần thứ 8- 5/1941).....	7
Câu hỏi: Vì sao trong HNTW lần thứ 8 (tháng 5-1941), Đảng quyết định đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?.....	7
Câu hỏi: Anh/chị hãy chứng minh rằng sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945.....	8
Câu hỏi: Phân tích một trong các bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng bài học kinh nghiệm đó trong bối cảnh Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.....	11
Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945), Đảng lại xác định nhiệm vụ củng cố chính quyền là nhiệm vụ quan trọng nhất?.....	12
Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị kháng chiến đảng lại xem Pháp là kẻ thù chính của nhân dân ta lúc bấy giờ >> phân tích 6 kẻ thù đó vào VN vì mục đích gì?.....	13
Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945), Đảng lại xác định Pháp là kẻ thù nguy hiểm (chính, và chủ yếu) nhất?.....	14
Câu hỏi: Vì sao 9/ 1945 – 2/1946 vì sao ta thực hiện chủ trương hòa với Tưởng để tập trung đánh Pháp?.....	15
Câu hỏi: Trình bày những biện pháp nhân nhượng của quân ta đối với quân Tưởng?.....	15
Câu hỏi: Anh/ chị hãy phân tích mối quan hệ vấn đề dân tộc và dân chủ trong giai đoạn 1930 - 1945.....	16
Câu hỏi: Chỉ thị: “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.....	18
Câu hỏi: anh/chị hãy trình bày hoàn cảnh lịch sử (trong nước và tg) đã tác động đến nd chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng?.....	20
Câu hỏi: Từ các biện pháp của Đảng về việc xây dựng chế độ mới và giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá - xã hội (giai đoạn 1945-1946), anh/chị hãy làm rõ ý nghĩa của các biện pháp đó đối với việc đưa nước ta ra khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.....	21
Câu hỏi: Từ chủ trương tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), anh/chị làm rõ ý nghĩa của chủ trương đó đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay.....	22
Câu hỏi: Từ nội dung cơ bản của Nghị quyết 15 (1/1959) về cách mạng miền Nam, anh/chị làm rõ nhận định: Nghị quyết 15 sáng soi con đường phát triển của cách mạng Việt Nam.....	23
Câu hỏi: Từ quan điểm công nghiệp hoá-hiện đại hoá được xác định tại đại hội 8 (1996): Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của VN trong bối cảnh cách mạng 4.0.....	24

Câu hỏi: Các yếu tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- **Chủ nghĩa Mác Lênin**

Là cơ sở cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động tiến hành đấu tranh CM xoá bỏ chế độ XH cũ và xây dựng XH mới - XHCN và cộng sản chủ nghĩa. Theo đó, giai cấp công nhân cần phải lập ra Đảng vô sản của mình, trung thành với lợi ích của dân tộc.

1920, NAQ đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc VN theo con đường CM của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Từ 1921-1930, Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin ở VN qua xuất bản báo chí, viết bài, báo cáo tham luận... và qua việc sáng lập Hội VNCM thanh niên và các hoạt động của Hội.

→ Chủ nghĩa Mác Lê-nin đã xác định đúng động lực CM, liên minh giai cấp; vị trí và phương pháp của CM... Đó là cơ sở lí luận cho cương lĩnh CM của Đảng sau này.

- **Phong trào công nhân:**

Từ 1926-1930, tiếp thu chủ nghĩa Mác Lê-nin, phong trào công nhân đã phát triển dần từ tự phát lên trình độ tự giác. Sự thống nhất 3 tổ chức cộng sản được đặt thành yêu cầu cấp bách của CM nước ta bởi sự lớn mạnh của phong trào công nhân đòi hỏi sự lãnh đạo của 1 chính Đảng vô sản duy nhất, đây là điều kiện tất yếu dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **Phong trào yêu nước:** Thực dân Pháp xâm lược VN, nhân dân ta với tinh thần yêu nước nồng nàn đã liên tục vùng lên đánh đuổi Pháp giành độc lập, tiêu biểu là các phong trào yêu nước: phong trào nông dân và phong trào Cần vương... Từ 1919 đến 1930, phong trào yêu nước VN phát triển theo khuynh hướng tư sản và khuynh hướng vô sản.

Khuynh hướng tư sản: phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá, chống độc quyền cảng Sài Gòn...; phong trào biểu tình của tầng lớp tiểu tư sản: phong trào đòi thả Phan Bội Châu, phong trào truy điệu Phan Châu Trinh.. Các phong trào diễn ra rất sôi nổi nhưng đều thất bại.

Khuynh hướng vô sản: ảnh hưởng của CMT10 Nga và những hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin của Nguyễn Ái Quốc trong 1920 – 1930, phong trào theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển mạnh. Các hoạt động của các tổ chức Hội VN CM thanh niên và Tân Việt CM Đảng giúp nhiều thanh niên yêu nước được giác ngộ và trở thành Đảng viên cộng sản.

Các tổ chức cộng sản VN ra đời

Trong quá trình tuyên truyền CN Mác-lenin -> phát triển nhiều cuộc CM theo khuynh hướng CM Vô Sản -> Sự ra đời của các tổ chức cộng sản: Đông Dương cộng sản Đảng; An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn (những người tiên tiến của Tân Việt CM đảng).

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.

Vì vậy, cần phải có một tổ chức duy nhất để lãnh đạo nhân dân nên đã tiến hành hợp nhất 3 tổ chức cộng sản thành 1 đảng duy nhất của Việt Nam -> Đảng CS Việt Nam ra đời.

KẾT LUẬN: Cuối 1929 đầu 1930, cả ba yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi để ĐCSVN ra đời.

Câu hỏi: Chứng minh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là kết quả của quá trình vận động hợp quy luật, của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng sâu sắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước ở nước ta từ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Sự kiện đó chứng tỏ giai cấp công nhân nước ta đã trưởng thành “đủ sức lãnh đạo cách mạng”. Từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam đã có một bộ tham mưu của giai cấp và dân tộc lãnh đạo, đánh dấu sự chiến thắng của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với các trào lưu tư tưởng phi vô sản. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt lớn cho cách mạng Việt Nam. Với cương lĩnh đúng đắn, Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên cho mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, là nhân tố quyết định phương hướng phát triển và đưa đến thắng lợi trong sự nghiệp giành độc lập, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời, cách mạng Việt Nam thật sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Kể từ đây, cách mạng Việt Nam nhận được sự ủng hộ của cách mạng thế giới, đồng thời cũng đóng góp to lớn cho cách mạng thế giới. Tính tất yếu lịch sử: – Về lý luận: Vào giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh đặt ra yêu cầu bức thiết phải có hệ thống lý luận khoa học với tư cách là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản. Trong hoàn cảnh đó, chủ nghĩa Mác ra đời, về sau được Lenin phát triển và trở thành chủ nghĩa Mác -Lenin. Chủ nghĩa Mác -Lenin chỉ rõ, muốn giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lập ra đảng cộng sản. Sự ra đời của đảng cộng sản là yêu cầu khách quan đáp ứng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống áp bức, bóc lột. Kể từ khi chủ nghĩa Mác -Lenin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. – Về thực tiễn: Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Sau khi tạm thời dập tắt được các phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam. Dưới tác động của chính sách cai trị và chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc. Hình thành giai cấp địa chủ, giai cấp nông dân, giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp tư sản Việt Nam, tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam. Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời của hai giai cấp mới: Công nhân và tư sản Việt Nam. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam lúc này đều mang thân phận người dân mất nước và ở những mức độ khác nhau, đều bị thực dân Pháp và phong kiến tay sai đã tạo ra hai mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam (chủ yếu là nông dân) với giai cấp địa chủ phong kiến, trong đó, mâu thuẫn chủ yếu nhất là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ. Những phong trào tiêu biểu trong thời kỳ này là (Giáo trình trang 18-20) Tóm lại, trước yêu cầu lịch sử của xã hội Việt Nam, các phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sôi nổi. Mục tiêu của các cuộc đấu tranh ở thời kỳ này đều hướng tới giành độc lập cho dân tộc, nhưng trên các lập trường giai cấp khác nhau nhằm khôi phục chế độ phong kiến, hoặc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến,

hoặc cao hơn là thiết lập chế độ công hoà tư sản. Các phong trào đấu tranh diễn ra với các phương thức và biện pháp khác nhau: bạo động hoặc cải cách; với quan điểm tập hợp lực lượng bên ngoài khác nhau: dựa vào Pháp để thực hiện cải cách, hoặc dựa vào ngoại viện để đánh Pháp... nhưng cuối cùng các cuộc đấu tranh đều thất bại. Một số tổ chức chính trị theo lập trường quốc gia tư sản ra đời và đã thể hiện vai trò của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập và dân chủ. Nhưng các phong trào và tổ chức trên, do những hạn chế về giai cấp, về đường lối chính trị; hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ; chưa tập hợp được rộng rãi lực lượng của dân tộc, nhất là chưa tập hợp được hai lực lượng xã hội cơ bản (công nhân và nông dân) nên cuối cùng đã không thành công. Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo lập trường quốc gia tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đã phản ánh địa vị kinh tế và chính trị yếu kém của giai cấp tư sản trong tiến trình cách mạng dân tộc, phản ánh sự bất lực của họ trước những nhiệm vụ do lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra. Mặc dù thất bại nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, và chính sự phát triển của phong trào yêu nước đã tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, quan điểm cách mạng Hồ Chí Minh. Phong trào yêu nước trở thành một trong ba nhân tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự thất bại của các phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới, với một giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công

Câu hỏi: Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

phản ánh về hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của CMVN.

(CMVN giải quyết 2 vấn đề mâu thuẫn: dân tộc và giai cấp. Trong chính cương, NAQ cho rằng mục tiêu quan trọng nhất là dân tộc là đấu tranh giải phóng dân tộc, còn trong cương lĩnh chính trị thì cho rằng mục tiêu quan trọng nhất là giải phóng giai cấp. Với NAQ, cần phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trên khối liên minh công nông trí thức)

Mục tiêu chiến lược của CMVN: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong XH VN thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc VN với đế quốc ngày càng gay gắt, Đảng đã xác định đường lối chiến lược của CMVN là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới XH cộng sản”. → Làm rõ cách mạng thuộc phạm trù của CMVS. Bác đã vượt qua đc hạn chế của quốc tế cộng sản để vận dụng sáng tạo trong bối cảnh cụ thể của cmvn (các nc tư bản chỉ có mâu thuẫn giai cấp, còn đối với vn, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cmvn là giải quyết mâu thuẫn dân tộc).

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của CMVN: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. *Về xã hội*: “Dân chúng được tự do tổ chức. Nam nữ bình quyền. Phổ thông giáo dục theo công nông hóa”. *Về kinh tế*: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng... của tư bản Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất chia cho dân cày nghèo và bỏ sưu thuế; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ...

Lực lượng cách mạng: giai cấp công nhân lãnh đạo, đồng thời đoàn kết tất cả các giai cấp và lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. “Còn với bọn phú nông, trung, tiểu

địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”.

Phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc: bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”, có sách lược thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản nhưng kiên quyết: “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ”.

Tinh thần đoàn kết quốc tế: tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là Pháp. “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới”.

Vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”.

Ý nghĩa:

Phản ánh súc tích các luận điểm cơ bản của CMVN với bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo và cương lĩnh về CM giải phóng dân tộc đúng đắn, tư tưởng cốt lõi là độc lập dân tộc

Chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc VN

Đánh giá đúng đắn thái độ của các giai tầng XH đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc

Xác định đường lối chiến lược, sách lược của CMVN và phương pháp, nhiệm vụ, lực lượng của CM. Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa dân tộc và nhân loại

Đáp ứng yêu cầu và phù hợp xu thế chung của thời đại là CMVS và thực tiễn của CMVN

Câu hỏi: Công lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam?

Đảng cộng sản Việt Nam thành lập là kết quả của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó không thể không kể đến vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc:

- Ngày 5 - 6 -1911, từ cảng Nhà Rồng, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm, hòa mình vào cuộc sống lao động Pháp để tìm đường cứu nước. Cuối năm 1917, Người trở lại Pháp theo đuổi lí tưởng của Đại Cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng và Bác ái.
- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Từ đây người tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
- Người đã nhận thức một cách rạch ròi: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: Giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Từ đó Người đã xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam đó là con đường cách mạng vô sản.

Nguyễn Ái Quốc truyền bá CN Mác Lênin chuẩn bị thành lập đảng:

Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của Angiêri, Maroc, Tuynidi,... Nguyễn Ái Quốc lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10 - 1923) và được bầu vào Ban chấp hành Hội.

Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V năm 1924, Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Về tư tưởng: Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam. Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây và chọn một số thanh niên hăng hái trong tổ chức Tâm tâm xã, mở các lớp huấn luyện chính trị ngắn hạn để đào tạo họ thành cán bộ cách mạng đưa về nước hoạt động. Mục đích của Người nhằm làm chuyển biến nhận thức của quần chúng nhân dân, nhất là giai cấp công nhân, làm cho hệ tư tưởng Mác - Lênin được lan tỏa ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức và đời sống tinh thần xã hội của người dân, đồng thời làm phong trào đấu tranh yêu nước xích lại gần với tư tưởng mới của quần chúng nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân. Bên cạnh đó, Người đã thẳng tay vạch trần bản chất xấu xa và tội ác của TDP đối với nhân dân VN. Tiêu biểu được thể hiện trong tác phẩm Đường Cách Mệnh, Người tố cáo TDP đã áp lên đôi vai của những người nông dân người mức thuế cao ngất ngưỡng, sự thật đó được coi là thuế máu mà người dân phải bán cho Đế Quốc, đày đọa phụ nữ trẻ em các nước thuộc địa, quan lại thực dân “ độc ác như một bầy thú dữ”. ĐCM đã hướng người dân ta theo con đường CM tháng 10 Nga, tiêu diệt "hai cái vòi của con đỉa đế quốc" – một "vòi" bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, một "vòi" bám vào nhân dân thuộc địa và đề ra cho dân Việt Nam con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

Về chính trị: Những vấn đề đó là: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chủ yếu là công nông, vì vậy phải tổ chức quần chúng lại; cách mạng muốn thành công phải có một Đảng Cộng sản lãnh đạo; phải có đường lối và phương pháp cách mạng đúng; cách mạng giải phóng dân tộc phải liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới. Người nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam như tính chất giải phóng dân tộc của cách mạng, những động lực chủ yếu của nó - công nhân và nông dân là “gốc cách mệnh”, “học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ” là bầu bạn cách mệnh của công nông. Những luận điểm đó là nền tảng hình thành liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng dân tộc giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Người còn nêu quan điểm cực kỳ quan trọng: Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Người xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ” và “ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”. Luận điểm trên là cụ thể hóa và phát triển quan điểm của Người đã nêu trước đây về tính chủ động và khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa đối với cách mạng chính quốc. Những nội dung đó đem đến cho quần chúng niềm tin, quyết tâm chủ động đứng lên làm cách mạng cứu nước, cứu nhà.

Về tổ chức: Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo Thanh niên, mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng cho 75 đồng chí. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã giúp cho những người Việt Nam yêu nước xuất thân từ các thành phần, tầng lớp dễ tiếp thu tư tưởng cách mạng của Người, phản ánh tư duy sáng tạo và là thành công của Người trong chuẩn bị về mặt tổ chức cho Đảng ra đời.

Nguyễn Ái Quốc hợp nhất ba Đảng:

Từ 3/2 đến 7/2/1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị để hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hương Cảng (Trung Quốc). Người chủ trì hội nghị và đã phân tích những hoạt động bè phái, chia rẽ của ba tổ chức cộng sản và tác hại của nó. Do yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam và uy tín đức độ của Người nên đã đã thống nhất được các tổ chức cộng sản. Hội nghị nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu hỏi: Tại sao nói Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng CSVN (2-1930) thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo?

Cương lĩnh chính trị - Ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Tuy còn vắn tắt nhưng nó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc, đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc nhân văn. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

- Tính khoa học đúng đắn:

Cương lĩnh chính trị được xây dựng dựa trên cơ sở quán triệt, vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo và phát triển các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống tinh hoa văn hóa dân tộc, phản ánh đúng thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nó vừa có tính lý luận khoa học vừa có tính thực tiễn sâu sắc, kết hợp tính giai cấp và tính dân tộc, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân.

- Tính độc lập, tự chủ:

Cương lĩnh chính trị là sản phẩm thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam, nó là bảo vật quốc gia, là kết tinh tư tưởng, cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh. Cương lĩnh là của riêng người Việt Nam, dưới ngọn cờ chỉ đạo của Đảng, nó không bị lệ thuộc hay bị áp đặt bởi bất kì một tổ chức nào khác. Với tư tưởng cốt lõi bao trùm là độc lập, tự do, cương lĩnh chính trị đã vạch rõ con đường cách mạng của Đảng đã lựa chọn, đó là con đường kết hợp: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tính sáng tạo:

+ Phương hướng chiến lược: “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

+ Nhiệm vụ:

Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của TBCN Pháp giao cho chính phủ công nông; tịch thu ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân nghèo; thi hành luật ngày làm 8 giờ...

Về VH – XH: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

⇒ Những nhiệm vụ thể hiện đầy đủ yếu tố dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến trên tất cả các lĩnh vực, trong đó, *chống đế quốc, giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.*

+ Lực lượng cách mạng: Lực lượng nòng cốt của cách mạng nước ta là công - nông, đồng thời thấy được các giai cấp và tầng lớp khác cũng là lực lượng cách mạng cần phải liên minh hoặc lôi kéo hay trung lập.

+ Lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong đó Đảng là đội tiên phong.

⇒ Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với cách mạng nước ta, vì phải có chính đảng của giai cấp vô sản với đường lối cách mạng đúng đắn mới lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành thắng lợi.

+ Quan hệ quốc tế: CMVN là một bộ phận khăng khít của CM thế giới.

Câu hỏi: Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đối với cách mạng Việt Nam?

Giá trị lý luận:

+ Cương lĩnh đã xác định đúng đắn những vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam, phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu cấp bách và cơ bản của cách mạng Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại.

+ Những nội dung của Cương lĩnh chính trị là sự vận dụng, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến, giải quyết đúng đắn hàng loạt vấn đề như: mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, về lực lượng cách mạng... Qua đó, cương lĩnh đã góp phần bổ sung, phát triển làm phong phú chủ nghĩa Mác – Lênin.

+ Cương lĩnh chính trị đầu tiên ghi đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh, phản ánh công lao to lớn của Hồ Chí Minh đối với Đảng và cách mạng Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng sau này đã nhận xét: *“Vào thời ấy, hệ thống luận điểm của Hồ Chí Minh mới mẻ đến kỳ lạ, khó lòng tưởng tượng. Nó nằm trong dòng sáng tạo cách mạng của những con người mà công hiến lý luận và sự nghiệp đấu tranh vạch đường cho thời đại”*.

Giá trị thực tiễn:

+ Cương lĩnh chính trị đầu tiên ngay khi mới ra đời đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và thâm nhập vào quần chúng trở thành sức mạnh vật chất, biến thành phong trào cách mạng, chấm dứt tình trạng bế tắc, khủng hoảng về đường lối cách mạng.

+ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng trở thành ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa dân tộc Việt Nam từ dân tộc thuộc địa trở thành dân tộc độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Cương lĩnh ra đời gần một thế kỷ, nhưng đến nay nó vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là ngọn cờ dẫn lối cho cách mạng Việt Nam tiến bước trên con đường mà Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc đã lựa chọn. Cương lĩnh đã, đang, sẽ được toàn Đảng, toàn dân trung thành, vận dụng vào công cuộc đổi mới hiện nay.

Câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng (thể hiện tại HNTU lần thứ 8- 5/1941).

• Bối cảnh lịch sử:

Trên thế giới: WW II bùng nổ, Pháp tham chiến và thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ trong nước và phong trào CM ở thuộc địa. Tháng 12/1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh. Ở VN: Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến tàn bạo. Nhật tấn công nước ta, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật, nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Ngày 17/01/1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và nhiều đồng chí Trung ương bị địch bắt. Ngày 28/01/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước và làm việc tại Cao Bằng, từ đó, Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị Trung Ương lần thứ VII do Bác chủ trì.

• Nội dung: Quá trình điều chỉnh chủ trương của Đảng được thể hiện thông qua Hội nghị Trung ương lần thứ VIII 05/1941

(mở đầu trong HNTU lần 6, bổ sung trong HNTU lần 7, hoàn thiện trong HNTU lần 8)

Thứ nhất, nhấn mạnh mâu thuẫn phải được giải quyết cấp bách giữa Việt Nam với phát xít Pháp – Nhật, bởi “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong”.

Thứ hai, khẳng định chủ trương “phải thay đổi chiến lược”. Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm CMTS dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc” (đưa cách mạng giải phóng dân tộc lên hàng đầu)

Thứ ba, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Theo đó, thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng đoàn kết dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”.

Thứ năm, khi cách mạng thành công, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa – nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”, chứ không phải “công nông liên hiệp và chính quyền Xô viết”.

Thứ sáu, nhiệm vụ trung tâm là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”, xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

• **Ý nghĩa của chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng**

Có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của p. trào CM, đi tới thắng lợi của CMT8/1945

Hoàn chỉnh chủ trương chiến lược từ Hội nghị tháng 11/1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930

Khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

Là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho dân tộc và nhân dân.

Phát triển và làm phong phú kho tàng lý luận Mác Lê-nin về CM giải phóng dân tộc

Câu hỏi: Vì sao trong HNTW lần thứ 8 (tháng 5-1941), Đảng quyết định đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

Giai đoạn 1939 – 1945 là một giai đoạn đầy biến động trong lịch sử của cách mạng Việt Nam. Đảng ta đã phải hết sức cố gắng để đưa ra những quyết định đúng đắn khi chèo lái con thuyền cách mạng của dân tộc, đưa nhân dân thoát khỏi bóng tối nô lệ đi đến độc lập, tự do. Thực tiễn tình hình thế giới và trong nước đã buộc Đảng ta quyết định đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong HNTW lần thứ 8 (5/1941).

Tình hình thế giới: Ngày 1 – 9 – 1939, Đức tấn công Ba Lan, chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ. Tháng 6 – 1940, Đức tấn công Pháp. Ngày 22 – 6 – 1941, Đức tấn công Liên Xô

Tình hình trong nước:

+ Pháp thực thi chính sách “*cai trị thời chiến*” cực kỳ tàn bạo, đẩy mâu thuẫn giữa đế quốc Pháp và các dân tộc Đông Dương càng thêm gay gắt và “thúc đẩy nhanh quá trình cách mạng”.

+ Pháp phát xít hóa, Nhật vào Đông Dương (22/9/1940) => Pháp – Nhật cấu kết thống trị nhân dân ĐD, nhân dân ta rơi vào cảnh “*một cổ hai tròng*”, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng.

+ Nhân dân ta đã nhiều lần đứng dậy chống lại ách áp bức bóc lột đó. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 - 1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (11 - 1940), binh biến Đô Lương (1 - 1941). Các cuộc nổi dậy vũ trang đó đã chứng tỏ ý thức quật cường, tinh thần anh dũng bất khuất của nhân dân Việt Nam, giáng những đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp, đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật khi chúng vừa mới đặt chân vào Đông Dương. Tuy nhiên, do kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được chuẩn bị đầy đủ... nên trước sau đều bị thất bại nhưng nó như những tiếng sấm báo hiệu cho thời kì mới – thời kì giải phóng dân tộc.

Trước tình hình đó, Đảng ta nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc, phát xít Pháp – Nhật. Bởi *“trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*.

Tại HNTW 8 (5/1941), Đảng ta chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và xác định: *“Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề căn kíp “dân tộc giải phóng”. “nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương”*.

Tóm lại, việc xác định *nhiệm vụ duy nhất – giải phóng dân tộc* ở đây là sự *phát triển lên một tầm cao mới, trong một hoàn cảnh mới* của tư tưởng chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu. Nó thể hiện sự chuyển hướng và nghệ thuật lãnh đạo tài tình của Đảng, xác định đúng đắn con đường đi cho dân tộc.

Câu hỏi: Anh chị hãy chứng minh rằng sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo. Thắng lợi ấy cũng minh chứng cho bản lĩnh và trí tuệ của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn với tầm nhìn chiến lược, sự nhạy bén, nắm bắt và chớp đúng thời cơ.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám có nhiều nguyên nhân, trong đó nhân tố hàng đầu là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo đó trước hết là sự hoạch định đúng đắn Cương lĩnh, đường lối cách mạng. Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở về nước. Người đã cùng Trung ương Đảng phát triển, bổ sung đường lối giải phóng dân tộc, một tư tưởng lớn đã được xác định từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (2-1930). Sự phát triển về đường lối được nêu bật tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt quyền lợi của bộ phận, của giai cấp dưới lợi ích và sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. Tập hợp, đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc, phát triển lực lượng chính trị trong Mặt trận Việt Minh, từ đó xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Đi từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng Nhà nước cộng hòa dân chủ Việt Nam. Chú trọng phát triển tình thế cách mạng và nắm bắt thời cơ. Xây dựng Đảng vững mạnh bảo đảm sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn Đảng. Nội dung cơ bản đó của đường lối tiếp tục được phát triển sáng tạo, cụ thể hóa tại Hội nghị Thường vụ Trung ương (2-1943), Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đ.C.S.Đ.D Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12-3-1945) và nhất là Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào - Tuyên Quang (14 - 15-8-1945). Đường lối cách mạng đúng đắn đã dẫn dắt phong trào cách mạng của toàn dân tộc phát triển mạnh mẽ bảo đảm đi đến thắng lợi.

Thứ hai, Đảng biết chú trọng phát triển lực lượng cách mạng trong quần chúng. Ngay từ khi thành lập năm 1930 đến năm 1945, Đảng đã từng bước chuẩn bị lực lượng, xây dựng, phát triển thực lực cách mạng và lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân qua các phong trào, cao trào cách mạng sôi nổi, rộng khắp. Điển hình như cao trào 1930 – 1931, 1936 – 1939 và 1939 - 1945

Thứ ba, Thứ hai, Đảng biết coi trọng phát triển lực lượng, chủ động nắm bắt thời cơ, dự đoán được tình hình, biết địch, biết ta trăm trận trăm thắng và quan trọng là Đảng và Bác Hồ biết tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong nhân dân cả nước. Khi biết cao trào kháng Nhật cứu nước dâng lên thành cao trào trong cả nước và dự đoán Nhật sẽ hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương để tranh giành quyền lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Hồ Chí Minh cùng các nhà lãnh đạo Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng phân tích sâu sắc tình hình trong nước và chiến tranh thế giới thứ II để đi đến khẳng định: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Lúc đó, Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Ngày 13/8/1945 TƯ Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập UB khởi nghĩa toàn quốc, ra quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Từ ngày 14 - 15/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào thông qua kế hoạch lãnh đạo ND Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền. Từ ngày 16 - 17/8/1945 Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào tán thành lệnh tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, thành lập UB dân tộc giải phóng do CT Hồ Chí Minh đứng đầu. Chiều ngày 16/8/1945 một đơn vị quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên mở đầu cho CM tháng tám. Từ 14 đến 18/8/1945 có 4 tỉnh giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam. Ngày 19/8/1945 Hà Nội giành được chính quyền. Ngày 23/8 ta giành chính quyền ở Huế. Ngày 25/8 ta giành chính quyền ở Sài Gòn. Ngày 28/8 hầu hết các địa phương trong cả nước giành được chính quyền. Như vậy, chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14/8 đến 28/8/1945) tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước. Lần đầu tiên trong cả nước chính quyền về tay nhân dân. Ngày 30/8 vua Bảo Đại thoái vị. Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

Thứ tư, Đảng lựa chọn và kết hợp đúng đắn các hình thức tuyên truyền quần chúng nhân dân. Đảng động viên giáo dục cho hàng triệu quần chúng trong cuộc đấu tranh chính trị rộng khắp; tích cực vận động các tầng lớp trung gian (tiểu tư sản, tư sản dân tộc, nhân sĩ yêu nước trong giai cấp địa chủ) đứng về phía cách mạng; tranh thủ tối đa các lực lượng cách mạng trong nước và quốc tế để tổ chức phương pháp đấu tranh thích hợp.

Thứ năm, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thực hành xuất sắc những tư tưởng kinh điển Mác – Lênin về khoa học và nghệ thuật cách mạng, vận dụng và phát triển sáng tạo vào thực tiễn cách mạng trong khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Việc giành chính quyền thành công trọn vẹn trong nửa cuối tháng 8-1945 là mẫu mực tuyệt vời về nghệ thuật chớp thời cơ và do đó đã ngăn chặn được nguy cơ mới đe dọa vận mệnh của dân tộc. Chính sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương có ý nghĩa quyết định toàn cục, đồng thời cần phải nhấn mạnh tới tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cao của đảng bộ các địa phương, của những cán bộ, đảng viên tiêu biểu. Chỉ với gần 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo hơn 20 triệu đồng bào cả nước làm nên chiến công có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Lịch sử mãi mãi ghi công những cán bộ, đảng viên kiên trung cùng sự hy sinh, chiến đấu của toàn dân. Sự vùng dậy của cả một dân tộc vì độc lập, tự do với những người cộng sản dẫn đầu mãi mãi là hình tượng cao đẹp của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Bài học về sự lãnh đạo của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám là Đảng đã đề ra đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, đã tập hợp đoàn kết rộng rãi lực lượng của toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh, đã lựa chọn và kết hợp đúng đắn các hình thức tuyên truyền, tổ chức và đưa ra phương pháp đấu tranh thích hợp tạo nên sức mạnh tổng hợp, đã xây dựng, phát triển thực lực cách mạng, thúc đẩy phong trào, đồng thời dự kiến và chớp đúng thời cơ hành động.. Trong việc thực hiện sứ mệnh nặng nề trước dân tộc và lịch sử, Đảng đã rất coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức, rèn luyện phương pháp đấu tranh và cách lãnh đạo. Trong Cách mạng Tháng Tám đã làm nổi bật rõ năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đây là một bài học có ý nghĩa hết sức quan trọng và cũng là bài học quý báu cho nhiệm vụ xây dựng Đảng hiện nay và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày nay

Câu hỏi: Phân tích một trong các bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945. Vận dụng bài học kinh nghiệm đó trong bối cảnh Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một trong những thắng lợi nổi bật và vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, là mốc son chói lọi trong lịch sử ngàn năm của dân tộc ta. Đó chính là thắng lợi của trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần đấu tranh quật cường của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi đó đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu mãi mãi soi sáng cho cách mạng Việt Nam trên con đường đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong đó có bài học về xây dựng lực lượng: trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Thấm nhuần và phát triển sáng tạo luận điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng Nhân dân trong lịch sử, cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân và phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, ngay từ khi mới thành lập và lãnh đạo Nhân dân đấu tranh cách mạng, Đảng đã rất chú trọng việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Từ năm 1930 đến năm 1941, qua nhiều chặng đường thử nghiệm xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, đặc biệt với sự ra đời của mặt trận Việt Minh (năm 1941) đã đảm bảo cho khối đại đoàn kết dân tộc được tạo dựng vững chắc và sâu rộng. . Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I Lênin trong tác

phẩm Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết, thì đó là một khởi nghĩa dân tộc”. Với chủ trương đúng đắn là “liên hiệp hết thảy các tầng lớp Nhân dân, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật giành độc lập...”¹, cùng phương thức tổ chức đa dạng, phong phú, mặt trận Việt Minh đã trở thành hạt nhân quy tụ, tập hợp các giai cấp, tầng lớp Nhân dân đứng vào hàng ngũ của mình để giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành chính quyền về tay Nhân dân.

Có thể nói, về thực chất, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng về kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hoá và mang ý nghĩa chính trị cực kỳ sâu sắc. Chỉ đi theo con đường cách mạng này, Việt Nam mới có thể thoát khỏi nghèo đói và tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhận thức rõ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của tất cả các thành phần kinh tế. Đảng ta đã nhận định, đó là “một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều trí tuệ, sức người, sức của. Chỉ có huy động sức mạnh và khả năng sáng tạo to lớn của toàn dân, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước thì mới bảo đảm thắng lợi”(3).

Cơ hội để cuộc cách mạng này đi tới thành công chính là những thành quả phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ thế giới, các quan hệ kinh tế toàn cầu và sự giao lưu trên nhiều bình diện của cuộc sống. Đó là điều kiện cần, thậm chí rất cần, nhưng chưa phải là đủ để Việt Nam có “những bước nhảy vọt” trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để có “những bước tiến nhảy vọt”, chúng ta còn phải cần đến sức mạnh của cả dân tộc với tinh thần đại đoàn kết toàn dân; ý chí độc lập tự chủ và không chịu thua kém bè bạn của con người Việt Nam; nguồn lực lao động dồi dào và căn bản là sự lựa chọn đường lối phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thành quả tiên bộ mà nhân loại đã có được trong thế giới hiện đại là những yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển của Việt Nam, song chúng chỉ có thể phát huy được tác dụng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay khi những yếu tố đó được chuyển hoá thành những yếu tố nội sinh, nội lực. Sự chuyển hóa đó phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chủ thể tiếp nhận, tức là khả năng độc lập, tự chủ về tinh thần (trí lực) và vật chất.

Nếu trong đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh gọi các thế lực ngoại xâm, phản dân, hại nước là “giặc”, thì trong điều kiện xây dựng đất nước, Người xem sự dốt nát, kém cỏi “không sánh được với các cường quốc năm châu” cũng là giặc. Với quan niệm này, Người kêu gọi nhân dân ta ra sức học tập, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá để thâm nhập và tiếp thu trình độ tri thức nhân loại. Theo Người, dù có tinh thần yêu nước, đoàn kết toàn dân đến đâu, nếu khoảng cách tri thức của một dân tộc bị tụt hậu quá xa với tri thức hiện đại của toàn nhân loại thì dân tộc đó còn lâu mới thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Có tri thức, có trình độ khoa học, kỹ thuật tiên tiến mới có thể thực hiện được sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mặt khác, nhờ có tri thức, con người mới nhận rõ bản thân mình đang ở trình độ nào trong chính thể văn minh nhân loại, để biết lo, biết phấn đấu sao cho không bị tụt hậu bằng chính nội lực của mình.

Chính vì vậy, để khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chúng ta cần phải có những chủ thể sáng tạo và ứng dụng hiệu quả các thành quả của động lực đó. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến con người với tư cách là nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Là một nước có dân số hơn tám mươi triệu người với mặt bằng trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật khá cao so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, song để sử dụng nó một cách có hiệu quả cho sự phát triển bền vững thì Việt Nam cần phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực một cách hợp lý. Không có con đường nào khác, để chiến lược này được thực hiện, ngoài sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo hai hướng cơ bản là: một mặt, nâng cao mặt bằng dân trí bằng phổ cập giáo dục cho toàn xã hội một cách toàn diện; mặt khác, phát triển giáo dục bậc cao để làm chủ tri thức của thời đại mới.

Mặc dù nguồn nhân lực của Việt Nam được xem là dồi dào về mặt số lượng, song chất lượng lao động chưa thể đáp ứng được yêu cầu của một xã hội công nghiệp. Một số nước công nghiệp mới (NICs) cần lao động có tay nghề cao khi đến thị trường lao động Việt Nam đành chịu bó tay, mặc dù xuất khẩu lao động tại thời điểm hiện nay, khi nền công nghiệp nước nhà chưa phát triển, là giải pháp cần thiết để giải quyết vấn đề xã hội bức xúc là việc làm. Cho nên, nhiệm vụ cấp bách hiện nay của sự nghiệp giáo dục - đào tạo là làm thế nào để khắc phục sự mất cân đối trong giáo dục, để cơ cấu, trình độ hiện có của người lao động phù hợp với cơ cấu ngành nghề đang có xu hướng phát triển mạnh ở trong nước cũng như nhu cầu thị trường lao động ở nước ngoài.

Như vậy, có thể nói kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá với tư cách đường lối phát triển trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn.

Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945), Đảng lại xác định nhiệm vụ củng cố chính quyền là nhiệm vụ quan trọng nhất?

Củng cố chính quyền cách mạng là nhiệm vụ hết sức cấp bách, sống còn của nhân dân lúc này. Chính quyền là công cụ sắc bén, là đòn bẩy để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trong bối cảnh đất nước khó khăn chồng chất, Tổ quốc lâm nguy, vận mệnh dân tộc ở thế ngàn cân treo sợi tóc.

+ Đất nước bị các thế lực đế quốc, phản động bao vây và chống phá quyết liệt (quân Tưởng Giới Thạch vào Hà Nội để tước khí giới quân Nhật, quân Anh vào Sài Gòn để giải giáp quân Nhật, tiếp tay cho Pháp quay lại Đông Dương, 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp ở trên khắp đất nước, bọn phản động Việt quốc Việt cách...)

+ Chính quyền sơ khai vừa mới thành lập còn non trẻ phải đối đầu với nguy cơ “giặc đốt, giặc đói, giặc ngoại xâm” và âm mưu xâm lược của đế quốc.

Thực tiễn tình hình trong nước buộc Đảng ta xác định “nhiệm vụ chính, trọng tâm trong lúc này là củng cố chính quyền, dùng chính trị, ngoại giao, quân sự để giữ vững nền độc lập”. Do đó củng cố chính quyền là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, không có chính quyền tức là không có độc lập, tự do; chính quyền phải vững mạnh mới có thể bảo vệ được thành quả của cách mạng, đảm bảo đời sống cho nhân dân. Bên cạnh đó, việc củng cố chính quyền còn là bước tạo đà quan trọng cho cuộc kháng chiến lâu dài tất yếu sau này và là cơ sở pháp lý để tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Muốn vậy, phải tăng cường khối đoàn kết toàn dân, hoà hợp dân tộc, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao, kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống giặc ngoại xâm gắn liền với chống giặc đói và giặc đốt.

Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị kháng chiến đảng lại xd pháp là kẻ thù chính của nhân dân ta lúc bấy giờ >> phân tích 6 kẻ thù đó vào Vn vì mục đích gì?

Về xác định kẻ thù:

+ Xđ kẻ thù chính: thực dân Pháp xâm lược trong nước ta có 6 kẻ thù chính lúc này:

- Nhật: là quân đội 1 nước bại trận, dù còn 6 vạn quân ở nc ta nhưng không

còn tinh thần chiến đấu >> Nhật không không phải kẻ thù trực tiếp.

- Tưởng: (20 vạn): bản thân Trung quốc cũng đang đối mặt với nạn đói , nội chiến, hạn hán, mất mùa, chết đói>> Mục đích đem 20 vạn quân tưởng sang VN nhằm giải quyết khó khăn về kinh tế >> giảm bớt gánh nặng lương thực (cướp bóc dân ta), ngoài ra Trung quốc cũng đang bị 14 đế quốc nhảy vào xâm xé >> chúng không có mục đích lâu dài ở lại nước ta nếu tình thế CM TQ thay đổi >> chúng nhanh chóng vơ vét, chớp thời cơ tranh thủ cướp bóc nước ta.

- Anh: (1 vạn quân Anh) đã thỏa hiệp với Pháp trả lại 1 số thuộc địa của Pháp

(Pháp đòi cho Anh 1 số quyền lợi về kinh tế và trả lại các thuộc địa của Anh) >> Anh và pháp tiến hành thỏa thuận trao đổi thuộc địa với nhau để hai bên cùng có lợi >>> 23/9/1945 TD Anh giúp Pháp quay trở lại xâm lược VN.

- Việt Quốc, Việt Cách: lật đổ chính quyền ta từ bên trong nhưng chưa đủ

khả năng, chỉ có khả năng phá hoại.

- Mỹ: Thế giới phân chia thành 2 cực tranh giành ảnh hưởng, sau 1945 thành lập nên khối liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương NATO , để thành lập Mỹ cần sự giúp đỡ của Anh và Pháp >> Mỹ đồng thuận cho Pháp quay lại tái chiếm VN. Nhưng Mỹ chưa bao giờ từ bỏ Đông dương >> Mỹ đợi khi tướng rút quân về nước thì mỹ sẽ thay Tưởng cai trị miền Nam

Pháp: đã tằm chiếm lại ĐĐ, ngày 23/9/1945, Pháp quay lại tái chiếm VN >> mục đích là vô cùng rõ ràng và đã có kinh nghiệm cai trị ở đây hàng chục năm

Đảng có 4 nhiệm vụ cơ bản:

- Củng cố chính quyền (quan trọng nhất)
- Chống thực dân pháp xâm lược
- Bài trừ nội phản

- Cải thiện đời sống cho nhân dân

Tất cả các nguy cơ là để lật đổ chính quyền nước ta, vì vậy nhiệm vụ củng cố chính quyền là quan trọng nhất, là nhiệm vụ đầu tiên phải làm khi đối diện với thù trong giặc ngoài.

Chính sách ngoại giao

- Đối với Tưởng: thực hiện khẩu hiệu Việt-Hoa thân thiện
- Đối với Pháp: độc lập về chính trị và nhân nhượng về kinh tế.

Câu hỏi: Tại sao trong chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945), Đảng lại xác định Pháp là kẻ thù nguy hiểm (chính, và chủ yếu) nhất?

Trong chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945), Đảng xác định Pháp là kẻ thù nguy hiểm nhất vì:

Trong số kẻ thù Anh, Tưởng, Mỹ, Pháp, Việt quốc, Việt cách... nguy hiểm nhất là thực dân Pháp. Chúng có đầy đủ cơ sở và điều kiện để trở lại xâm lược nước ta lần 2, với âm mưu đặt ách thống trị và tái xác lập chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Âm mưu đó được thể hiện rõ trong Tuyên ngôn của chính phủ Đờ Gôn ngày 24 – 3 – 1945.

Nhận rõ âm mưu của các nước đế quốc sau chiến tranh TG thứ 2, Đảng ta cho rằng, các thế lực đế quốc sẽ đi đến dàn xếp với nhau để cho thực dân Pháp trở lại Đông Dương (cụ thể: quân Anh vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân Nhật đã đồng lõa và tiếp tay cho TDP quay lại Đông Dương. Trước sau chính quyền Tưởng Giới Thạch cũng *"sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng".*)

Vì vậy, Đảng ta nhận định *"nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"*, *"kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn cờ đấu tranh vào chúng"*.

Câu hỏi: Vì sao 9/ 1945 – 2/1946 vì sao ta thực hiện chủ trương hòa với Tưởng để tập trung đánh Pháp?

Có một số lý do mà ta phải buộc thực hiện giải pháp hòa với Tưởng để tập trung đánh Pháp.

- Thứ nhất, lực lượng của chúng ta yếu, do đó không thể nào cùng một lúc đối đầu với hai kẻ địch. Vì thế chúng ta cần có sự phân hóa chọn lọc kẻ thù, xem rằng chúng ta sẽ hòa với ai và đánh ai

- Thứ hai, một trong những nhiệm vụ mà quân Tưởng và Việt Nam là giải giáp quân đội Nhật, chính vì vậy quân Tưởng là đại diện của phe đồng minh. Do đó, lúc này ta không thể đánh quân Tưởng, nếu như ta đánh quân Tưởng thì điều này có nghĩa ta bảo vệ phe phát xít và chống lại quân đồng minh. Như vậy ta sẽ là kẻ thù của CM => tại thời điểm này ta chỉ có thể hòa với Tưởng mà không thể đánh với Tưởng.

- Thứ ba, so sánh giữa Tưởng và Pháp thì Tưởng là kẻ thù ít nguy hiểm hơn. Vì bản thân Trung quốc cũng đang đối mặt với nạn đói, nội chiến, hạn hán, mất mùa, chết đói>> Mục đích đem 20 vạn quân Tưởng sang VN nhằm giải quyết khó khăn về kinh tế >> giảm bớt gánh nặng lương thực (cướp bóc dân ta), ngoài ra Trung quốc cũng đang bị 14 đế quốc nhẩy vào xâu xé >> chúng không có mục đích lâu dài ở lại nước ta nếu tình thế CM TQ thay đổi >> chúng nhanh chóng vơ vét, chớp thời cơ tranh thủ cướp bóc nước ta. Còn Pháp vào VN với mục đích chính trị.

Muốn hòa với Tưởng, chúng ta cần có sự đồng ý của quân Tưởng để ta tập trung đánh Pháp.

Câu hỏi: Trình bày những biện pháp nhân nhượng của quân ta đối với quân Tưởng?

- Đầu tiên, trên lĩnh vực kinh tế, thứ nhất ta đồng ý cung cấp lương thực thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn như vậy, mà ta cung cấp lương thực cho quân Tưởng thì đây quả thực đây là bước lùi của nước ta trên lĩnh vực kinh tế. Bởi vì ngay từ đầu, mục đích của quân Tưởng sang VN là trút bớt gánh nặng về lương thực, thực phẩm của 20 vạn quân này trong khi TQ cũng đang gặp phải những vấn đề cực kỳ khó khăn Thứ hai, cho phép quân Tưởng tiêu hai loại tiền là quan kim và quốc tệ. Đây là hai đồng tiền đang mất giá ở TQ nhưng lại được tiêu ở VN.

- Trên lĩnh vực chính trị, ĐCS tuyên bố tự giải tán nhưng thực chất rút gọn lại để hoạt động, nhằm bớt mũi nhọn tấn công của kẻ thù vào chúng ta lúc bấy giờ. Thứ hai, chúng ta nhượng cho Tưởng 70 ghế trong QH mà không cần thông qua bầu cử, trong đó có 4 ghế bộ trưởng, và 1 ghế phó chủ tịch. Như vậy chúng ta có 1 bước lùi trên lĩnh vực chính trị

- Cuối cùng là bước lùi trong quân sự, với vụ án của ngôi nhà số 7 phố Ôn Như Hầu nơi đã tố cáo tội ác của bọn quốc việt bằng cách thực hiện các hành động bắt cóc, gây án, vu cáo cho chính quyền Việt Minh của ta lúc bấy giờ. Tuy nhiên với những biện pháp khôn khéo trên lĩnh vực quân sự thì chúng ta đã giải quyết được nhanh chóng vụ án ngôi nhà số 7 Phố Ôn Như Hầu. Và 1 nguyên tắc chủ trên lĩnh vực quân sự là tránh mọi hiềm khích tối đa trên lĩnh vực quân sự đối với quân Tưởng. Mặc dù quân Tưởng vào VN với tư cách phe đồng minh và họ không có mục đích lâu dài ở nước ta nhưng vẫn thực hiện mục tiêu “diệt Cộng cầm Hồ” tức là diệt Việt Cộng và giam cầm Chủ tịch HCM nên chưa khi nào họ từ bỏ ý định lật đổ chính quyền CM của ta. Và bất cứ sự gây hấn nào trên lĩnh vực quân sự đều là lý do để quân Tưởng ở lại lâu dài trên nước ta. Vì vậy, Đảng ta hoàn toàn tỉnh táo khi đưa ra chủ trương tránh mọi hiềm khích tối đa với quân Tưởng.

Câu hỏi: Anh/ chị hãy phân tích mối quan hệ vấn đề dân tộc và dân chủ trong giai đoạn 1930 - 1945

Sự thành lập ĐCSVN là một sự kiện vũ đại đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Việt Nam, mở đầu cho thời kỳ cách mạng do giai cấp công nhân và chính Đảng lãnh đạo. Ngay sau đó ĐCS liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giai cấp. Trong cương lĩnh chính trị 1930, NAQ đã nêu rõ tư tưởng về vấn đề dân tộc. Đó là đánh đổ chủ nghĩa thực dân, thoát khỏi kiếp nô lệ, giải phóng mọi năng lực và tiềm năng của dân tộc, của mọi tầng lớp, mọi giai cấp chịu sự kiểm chế của chủ nghĩa đế quốc, phát triển đất nước theo chủ nghĩa xã hội.

Đảng xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc không thể tách rời nhiệm vụ giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động. Con đường mà chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối chính trị của Cách mạng Việt Nam. Đó là con đường gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp; kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; đưa cách mạng Việt Nam về cách mạng vô sản. Tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ vào cuộc đấu tranh, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chiến lược trung tâm của Đảng. Bên cạnh đó, nhiệm vụ của cuộc cách mạng bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và phong kiến, nhưng nổi bật lên là chống đế quốc và tay sai phản động, giành độc lập dân tộc. Như vậy hai nhiệm vụ đánh đổ đế quốc và đánh đổ phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau vì: “ có đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa thắng lợi, mà phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”.

Năm 1930 là năm đặc biệt khi cuộc bạo động Yên Bái của VNQD đảng nổ ra và bị dập tắt, chấm dứt sự chi phối của hệ tư tưởng tư sản đối với cuộc vận động cách mạng VN, đồng thời là sự ra đời của ĐCSVN. Trong Giai đoạn 1930 -1931, đỉnh cao là phong trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh, phong trào công nông đã chứng tỏ rằng: dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân là hai lực lượng chủ yếu có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc phong kiến. Đây là lần đầu tiên có sự liên minh giữa công nhân với nông dân trong phong trào đấu tranh với phương pháp đấu tranh vũ trang.

Từ giữa những năm 30, những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước đã tác động đến phong trào đấu tranh cách mạng Việt Nam. 7/1936, Hội nghị BCH TW ĐCS Đông Dương đã nêu lên mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình. Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng. Về khẩu hiệu đấu tranh là “ Tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.”

Phong trào dân chủ 1936 -1939 bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng buộc chính quyền thực dân phải chấp nhận những yêu sách cụ thể trước mắt. 7 – 1936, ĐCS Đông Dương kêu gọi các ủy ban hành động ở khắp nơi để tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân thu thập dân nguyện, chuẩn bị cho

sự thành lập Đại hội Đông Dương. Đây là một phong trào quần chúng rộng rãi, diễn ra trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng. Nó thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia, thể hiện vai trò tiên phong của giai cấp công nhân trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giai cấp công nhân đã liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân. Khối liên minh công nông là cơ sở cho khối đoàn kết toàn dân theo cương lĩnh Mặt trận dân chủ.

Trong phong trào 1936 – 1939 ĐCS Đông Dương đã liên minh với một số đảng, nhóm chính trị trong Mặt trận dân chủ. Khẩu hiệu đòi dân chủ, tự do, cơm áo, hòa bình do ĐCS đưa ra trong một chừng mực nhất định phù hợp với yêu cầu của các tầng lớp tri thức tiến bộ, tiểu tư sản, trung, tiểu địa chủ và một số bộ phận tư sản dân tộc. Tuy nhiên Đảng đã xác định rõ sự liên minh ấy chỉ tạm thời, ở một số việc nhất định, trong một thời gian nhất định. ĐCS Đông Dương đã phân hóa, tranh thủ lực lượng trung gian dù tạm thời, bấp bênh để phục vụ cho cách mạng.

Như vậy điểm nổi bật của giai đoạn 1936 – 1939 là đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Phong trào đã thu được những thắng lợi cụ thể buộc chính quyền thực dân phải thả nhiều chính trị phạm, ban hành luật báo chí, cải thiện một phần điều kiện lao động, lương bổng cho công nhân viên chức.

Trong giai đoạn 1939 -1945, nổi bật lên là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) đã nêu lên những quan điểm cơ bản về CMGPDT VN:

Thứ nhất, cuộc cách mạng này phải do ĐCS lãnh đạo vì Đảng tiêu biểu cao tinh thần cách mạng giai cấp và dân tộc, đủ lý thuyết, năng lực lãnh đạo cho toàn dân đánh Pháp đuổi Nhật, đi đến thực hiện chủ nghĩa cộng sản.

Thứ hai, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là GPDT, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, tiến hành giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.

Thứ ba, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Khi thời cơ đến với lực lượng có sẵn, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần, mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa.

Hội nghị đã nhận định: do ách áp bức bóc lột của Pháp – Nhật, mâu thuẫn giữa chúng và nhân dân Đông Dương ngày càng sâu sắc, một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy, Đảng phải chuẩn bị để giành lấy sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập.

Ngoài ra Hội nghị cũng đã phân tích nguồn gốc, đặc điểm tính chất của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2: Phe phát xít sẽ thất bại, phe đồng minh chắc chắn sẽ giành được thắng lợi; từ khi bùng nổ chiến tranh, các tầng lớp nhân dân Đông Dương đều bị điều đứng, quyền lợi tất cả các giai cấp đều bị cướp giật. Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật không phải riêng của giai cấp nông dân, công nhân mà là nhiệm

vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương. Tiếp tục thực hiện chủ chương tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”.

Như vậy, mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và dân chủ của Đảng có những nội dung cơ bản: Một là đặt nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc lên hàng đầu; nhiệm vụ chống phong kiến và các nhiệm vụ khác phải rải ra thực hiện từng bước, phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc. Hai là, phải đặt quyền lợi của dân tộc lên trên quyền lợi của giai cấp; lợi ích của dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động là thống nhất, nhưng lợi ích của giai cấp chỉ có thể được giải quyết khi lợi ích dân tộc được đảm bảo. Cuối cùng, đoàn kết rộng rãi lực lượng của toàn dân tộc vào trận tuyến đấu tranh chống đế quốc là nhiệm vụ cốt yếu của Đảng, là trách nhiệm lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu hỏi: Chỉ thị: “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

9/3/1944 Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm DD. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành 1 loạt chính sách nhằm củng cố quyền chính trị. Chính phủ Bảo Đại được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ “độc lập” để phục vụ cho nền thống trị chủ nghĩa Phát xít.

Về chủ trương của Đảng, tại hội nghị mở rộng tại Đình Bảng – Bắc Ninh, Đảng đưa ra chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” trong đó vạch rõ nhận định tình hình, xác định kẻ thù, nhiệm vụ trước mắt, phương châm đấu tranh và dự kiến thời cơ.

Thứ nhất, Nhận định tình hình của Đảng, sau khi nhật đảo chính pháp độc chiếm đông dương tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc. Đảng ta nhận định: Tình thế CM đã xuất hiện, nhưng thời cơ CM thì chưa thực sự chín muồi, nhưng hiện đang có những cơ hội tốt để chúng ta thực hiện đấu tranh giành chính quyền.

Mục tiêu của các nước phát gây ra chiến tranh chia lại thị phần >> không muốn mất thời gian xây dựng bộ máy >> SD Pháp làm tay sai để bóc lột nhân dân ta thu lợi ích >> khi Nhật vào Đông Dg thì pháp làm tay sai, nhưng Nhật lại lật đổ Pháp >> tự chặt đứt tay sai của mình trong khi bộ máy mới chưa hoàn thiện >> Trong khi đó, Quần chúng nhân dân xúc tiến tổng khởi nghĩa đấu tranh giành chính quyền >> Phe trung gian phân vân, hoang mang không biết nên đứng về ai.

Phát xít Nhật – Pháp mâu thuẫn với nhau >>> tình thế CM xuất hiện thời cơ chưa chín muồi. Câu hỏi đặt ra tiến hành tổng khởi nghĩa liệu có thành công không?

Nhật đang coi đông dương là cứ điểm là sào huyệt cuối cùng >> chúng tìm mọi cách chiếm lại Đông Dương >> Nên nếu chúng ta hành động sẽ thất bại >> chúng ta phải chờ thời cơ chín muồi để thực hiện tổng tiến công giành lại chính quyền.

Thời cơ chưa chín muồi: Nhật có quyết tâm, lực lượng mạnh trong việc biến Đông Dương thành cứ điểm cuối cùng trong khi lực lượng của ta quá yếu, khởi nghĩa chắc chắn sẽ gặp thất bại.
Cơ hội tốt: Chỉ phải đấu tranh với 1 kẻ thù; PXN đang bị đẩy vào thế thua trận trong CTTG thứ 2

Vấn đề xác định kẻ thù: đây là căn cứ cực kỳ quan trọng cho bất kỳ cuộc chiến nào >> xác định sau khi Nhật đảo chính pháp ở DD >> kẻ thù duy nhất ở DD là phát xít Nhật >> Thay đổi khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” thành “đánh đuổi Phát xít Nhật”. >> Cắt đứt đi vị thế của Pháp tại VN.

Nhiệm vụ đấu tranh: Thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thời kỳ tiền khởi nghĩa nhằm động viên và tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Phương châm đấu tranh: phát động chiến tranh du kích giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa CM để chủ động đánh Nhật.

Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, phát động toàn dân kháng chiến và sẵn sàng tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện.

Dự kiến về mặt thời cơ >> 2 dự kiến về mặt thời cơ :

Thời cơ 1: Nếu như Nhật để mất nước như Pháp năm 1940, ta sẽ đứng lên giành chính quyền. Điều kiện này khó có thể xảy ra vì thời điểm này, N là nước bại trận trong CTTG thứ 2, phải gánh chịu nặng nề, mất toàn bộ hệ thống thuộc địa nên không thể để mất Đông Dương.

Thời cơ 2: Quân đồng minh kéo vào giải giáp quân đội N vì đây được coi là xáo huyết cuối cùng, vì vậy phát xít N sẽ tìm mọi cách cứu vãn tình thế hiện nay. N sẽ dốc toàn lực để tấn công quân đồng minh, để lộ sơ hở phía sau. Ta cùng quân đồng minh sẽ tạo thành gọng kìm để tấn công lật đổ chủ nghĩa phát xít.

Đây là 2 dự kiến của Đảng, nhưng bất cứ khi nào tình thế CM xuất hiện thì ta cũng không trông chờ vào sự giúp đỡ của các thế lực bên ngoài mà phải chủ động tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

• Ý nghĩa

Thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết và kịp thời của Đảng trong HCLS mới.

Là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào kháng Nhật cứu nước, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa T8 năm 1945.

. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, gấn gò chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

Câu hỏi: anh chị hãy trình bày hoàn cảnh lịch sử (trong nước và tg) đã tác động đến nd chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng?

A. Thế giới

Chiến tranh phân chia quyền lợi nội bộ thuộc địa của các nước Tư bản. Xảy ra các cuộc khủng hoảng thừa, không tiêu thụ được hàng hóa >> Những nước có nhiều hệ thống thuộc địa sẽ có thị trường tiêu thụ hàng hóa >> Đưa chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền >>> chủ nghĩa phát xít làm le chiến tranh phân lại thị phần thế giới

Lúc bấy giờ, Thực dân pháp tham gia chiến tranh thế giới thứ 2 >> 1 mặt chúng tăng cường áp bức bóc lột nhân dân thuộc địa, mặt khác bắt nhân dân ta đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường. sau 1 năm sau khi tham gia war 2, 9 – 1945 Pháp đã đầu hàng Đức >>> Các nước thuộc địa của Pháp đã bị các nước kia làm le xâu xé.

22/9 Nhật đã nhảy vào Đông Dương >> 1 ngày sau CP Đông Dương kí hiệp ước đầu hàng Nhật >> nhân dân ta phải chịu cảnh 1 cổ hai tròng (ách thống trị Pháp và Nhật)

6/1941 Đức tấn công Liên Xô >> tính chất của cuộc chiến tranh có sự thay đổi. Giữ 1 bên là lực lượng dân chủ ưa chuộng hòa chống CN phát xít, 1 bên phát xít.

Chiến tranh thế giới 2 là chiến tranh vô nghĩa, cuộc chiến này vượt ra khỏi CNTB >> kẻ thù chung của nhân loại là phát xít. Liên Xô tham gia war lần 2 đánh dấu lần đầu tiên Liên Xô và Mỹ đứng chung 1 chiến tuyến.

12/1941, Nhật đã bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng >> chiến tranh tại vùng biển Thái Bình Dương >> Mỹ tham chiến. Đây là sự may mắn cho phe đồng minh vì đối với phe đồng minh với sự giúp đỡ của Mỹ mà cả thể và lực của phe đồng minh cao hơn rất nhiều

B. Trong nước

9/1940 >> Nhật nhảy vào Đông Dương >> nhân dân ta chịu 1 cổ hai tròng >> gia tăng mâu thuẫn của nhân dân ta với đế quốc Pháp, phát xít Nhật >> để rảnh tay cho cuộc chiến tranh thế giới 2, Pháp thực hiện chính sách Phát xít hóa. >>> Đảng ta nhanh chóng chuyển hướng nội dung chỉ đạo của Đảng.

· N/v 1: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

Thời kỳ năm 30-39, chủ trương đấu tranh của ta ngả về mục tiêu giải phóng giai cấp, nhưng sau khi Nhật nhảy vào Lạng Sơn xâm chiếm đất nước ta, nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ đôi tròng”, mâu thuẫn dân tộc lên rất cao. Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nếu vấn đề giải phóng dân tộc không được đặt lên hàng đầu thì ta sẽ mãi mãi sống trong cùng cực, đói nghèo.

· N/v 2 : Đảng thành lập mặt trận Việt Minh – nơi đoàn kết, tập hợp quần chúng nhân dân để thực hiện đấu tranh giải phóng dân tộc

Đảng đóng vai trò là người lãnh đạo, đề ra mọi chủ trương đường lối chính sách để đưa CMVN phát triển nhưng cần 1 tổ chức để đoàn kết nhân dân thông qua hình thức của các mặt trận. Năm 1936, mặt trận đầu tiên ra đời – mặt trận phản đế Đông Dương,... Năm 1941, mặt trận lớn nhất ra đời là mặt trận Việt Minh, là nhân tố quyết định sự thành công của CMT8

· N/v 3: Xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng toàn dân trong giai đoạn hiện tại:

Ta không thể có được hòa bình nếu không thực hiện đấu tranh vũ trang. Về mặt phương pháp đấu tranh, ta kết hợp đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh vũ trang được coi là biện pháp phòng bị mang tính chất chủ yếu, và phương pháp đấu tranh du kích được xem là nòng cốt đóng vai trò quan trọng với CMVN

Câu hỏi: Từ các biện pháp của Đảng về việc xây dựng chế độ mới và giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá - xã hội (giai đoạn 1945-1946), anh/chị hãy làm rõ ý nghĩa của các biện pháp đó đối với việc đưa nước ta ra khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Ngay khi mới ra đời, nước VNDCCH đối mặt với: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”. Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” thể hiện rõ từ thực tế từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công: nền độc lập của Việt Nam chưa được quốc tế công nhận giữa lúc có hơn 30 vạn quân của 4 nước đồng minh đang kéo vào, trong đó quân Pháp và quân Tưởng đều có âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng. Lực lượng Việt Minh chỉ có khoảng 8 vạn người với vũ khí thô sơ. Một nửa số bộ trong Chính phủ lâm thời nằm trong tay hai đảng đối lập do nước ngoài chi phối (Việt quốc, Việt cách). Ngân khố quốc gia cạn kiệt, hậu quả của nạn đói làm chết hơn hai triệu người năm 1945 chưa khắc phục xong, 90% dân mù chữ, năng suất nông nghiệp quá thấp (khoảng 12 tạ/ha)... Đó là những khó khăn to lớn và chồng chất trên vai chính quyền non trẻ. Nếu chỉ so sánh tương quan lực lượng vật chất thì chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực sự đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn trong một thời gian ngắn. → đưa ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” và đưa ra những biện pháp cụ thể:

1. Chống giặc đói đẩy lùi nạn đói

Tổ chức chỉ đạo các phong trào vận động lớn như: tăng gia sx, lập hũ gạo tiết kiệm, Tổ chức Tuần lễ Vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ Đảm phụ quốc phòng.

Bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý, giảm tô

Sửa chữa đê điều, khuyến nông, tịch thu ruộng đất để quốc, khai phá đất hoang

Khôi phục hũ nhà máy công xưởng

Dựng lại ngân khố quốc gia, phát hành đồng giấy bạc

Nạn đói đẩy lùi, ds ổn định, tinh thần dtoc phát huy cao độ, góp phần động viên kc miền nam

2. Chống giặc dốt xóa mù chữ

Ptrao “Nha bình dân học vụ” toàn dân học chữ quốc ngữ

Xd nếp sống, ds văn hóa mới đẩy lùi tệ nạn, hủ tục thói quen cũ

Mở lại các trường học

Cuối năm 1946 hơn 2,5 triệu ng bt đọc, viết chữ quốc ngữ, ds cải thiện nd tin tưởng bve chính quyền cm

3. Xd chế độ mới và chính quyền CM

Xd củng cố chính quyền CM

Tổ chức bỏ phiếu bầu cử Toàn quốc

Ban soạn Hiến pháp mới, xd bộ máy chính quyền trong sạch, dân chủ

Mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức củng cố lực lượng vũ trang, cũng như cơ sở căn cứ địa CM

1. Đấu tranh bảo vệ chính quyền

Tạm thời hòa hoãn vs quân Tưởng ở miền Bắc, kc chống Pháp ở Miền Nam

Tạm thời hòa hoãn với td Pháp và gạt quân Tưởng ra khỏi miền Bắc nước ta

Chuẩn bị những đk cần thiết cho cuộc toàn quốc kc

→ Đảng, đứng đầu HCM, đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn trên tất cả mặt trận: chính trị, kinh tế, XH, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Với thế lực thù địch, Đảng thực hiện chiến lược mềm dẻo “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, lợi dụng mâu thuẫn, giành tgian củng cố lực lượng. Với đường lối chính trị sáng suốt, Đảng động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, củng cố, giữ vững chính quyền, đưa CM vượt qua tình thế hiểm nghèo, cb cho cuộc kc lâu dài chống Pháp. Đồng thời nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do độc lập. Tăng cường tinh thần đoàn kết dtoc, dựa vào sự ủng hộ và tgia nhiệt tình toàn dân.

Câu hỏi: Từ chủ trương tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), anh/chị làm rõ ý nghĩa của chủ trương đó đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

● Chủ trương tập hợp lực lượng toàn dân tộc của Hội nghị Trung ương 8 (5/1941):

* **Hoàn cảnh** (tóm tắt ngắn gọn)

● **Thế giới:**

+ Chiến tranh Thế giới lần thứ 2 bùng nổ, diễn ra gay go, ác liệt. Pháp tham gia cuộc chiến ngay từ đầu, chúng tăng cường bóc lột ở cả trong nước và các thuộc địa.

+ ĐCS Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, mặt trận nhân dân Pháp tan rã, nhiều quyền tự do đòi đc ở giai đoạn trước đã bị thủ tiêu.

● Việt Nam:

+chiến tranh thế giới thứ II làm Đông Dương rơi vào thời chiến, Pháp ra sức đàn áp vơ vét của cải, phát xít hóa bộ máy thống trị. T9/1940, Nhật tấn công Đông Dương, một ngày sau Pháp đầu hàng => nhân dân rơi vào cảnh một cổ hai tròng

* **ND:** Nhận định vào diễn biến chiến tranh thứ 2 và căn cứ vào tình hình trong nước. Ban chấp hành TW đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược

1. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

● Ban chấp hành Trung ương nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu ở nước ta đòi hỏi giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc, phát xít Pháp- Nhật

● Tạm gác lại khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”.

2. Quyết định thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

● Thành lập mặt trận dtoc thống nhất Đông Dương->Việt minh; Hội phản đế-> Hội cứu quốc

3. Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và ndan

● Ra sức phát triển lực lượng cách mạng (lực lượng chính trị+ Vũ trang)

● Xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng

● Xác định phương châm: “Luôn luôn chuẩn bị 1 lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn để đánh thắng kẻ thù”

● Chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo Đảng.

● Đào tạo cán bộ, nông vận, binh vận, quân vận

● Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

* **Ý nghĩa:**

● Hội nghị TW 8 đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược đề ra ở HN TW 6 (11/1939)

● Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc

● Giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước Đông Dương

● Chủ trương tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

● Ý nghĩa của chủ trương đối với việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hiện nay:

Với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cao, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 dưới sự chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo cả về chủ trương, đường lối, phương pháp và tổ chức lực lượng. Cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã lôi cuốn hàng chục triệu nông dân, dù chưa được chia lại ruộng đất của địa chủ, vẫn hăng hái tiến bước cùng giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm nên cuộc cách mạng long trời, lở đất. Thắng lợi đó đã chứng minh sáng tỏ tinh thần khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, mở ra bước ngoặt lịch sử trọng đại cho cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh nội sinh từ khối toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945; đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa và khai sinh nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Lịch sử đã chứng minh, việc thành lập Mặt trận Việt Minh là một chủ trương hết sức sáng suốt của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Mặt trận Việt Minh và các hình thức mặt trận sau đó (Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), luôn lấy liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ở mỗi thời kỳ, tên gọi các hình thức mặt trận có thể khác nhau, song đều

là mặt trận dân tộc thống nhất với sứ mệnh tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc, tôn giáo, phát huy lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng, ý chí đấu tranh, sự hy sinh và cống hiến của mỗi người, góp phần tạo nên những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong công cuộc đổi mới, với nhiều hình thức tổ chức và vận động nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã góp phần quan trọng cùng với Đảng và Nhà nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giải quyết những khó khăn về đời sống, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy ý chí, sức mạnh văn hóa và con người Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị tuyên truyền, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất và đồng thuận trong xã hội; kiến nghị với Đảng và Nhà nước nhiều nội dung quan trọng, góp phần hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Qua 35 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại; góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, giữ ổn định chính trị - xã hội; quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; KĐĐKTD tiếp tục được củng cố, phát huy. Nhận thức về KĐĐKTD tiếp tục được bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình mới, trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; theo đó, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân ngày càng được quan tâm. Sự quyết tâm, quyết liệt của Đảng, Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, chăm lo đời sống nhân dân, nhất là quyết tâm chính trị trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, củng cố vững chắc KĐĐKTD trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu hỏi: Từ nội dung cơ bản của Nghị quyết 15 (1/1959) về cách mạng miền Nam, anh/chị làm rõ nhận định: Nghị quyết 15 sáng soi con đường phát triển của cách mạng Việt Nam.

- Nội dung cơ bản của Nghị quyết 15: Hội nghị 15 họp bàn về Cách mạng Miền Nam
- Nhận định 2 nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam=> Tính chất khác nhau, có mối quan hệ hữu cơ
- Phương hướng chung: giữ vững hòa bình, thống nhất đất nước, tạo điều kiện đưa cả nước đi lên XHCN
- Nhiệm vụ cơ bản ở cách mạng Miền Nam: giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến; thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở Miền nam
- Con đường phát triển ở Miền Nam: khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân
- Cách mạng Miền Nam có khả năng hòa bình phát triển, tuy ít, song Đảng cần tranh thủ để thay đổi cục diện chính trị có lợi cho cách mạng
- **Ý nghĩa:** mở đường cho cách mạng tiến lên
- Thể hiện rõ bản lĩnh độc lập sáng tạo của Đảng trong những năm tháng khó khăn
- Là quá trình hình thành chiến lược chung cho cách mạng cả nước
- Nói “Nghị quyết 15 sáng soi con đường phát triển của cách mạng Việt Nam” vì:

Nghị quyết 15 ra đời đã đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình và nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển đi lên của cách mạng Miền Nam là phải dùng bạo lực cách mạng, phải chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, để đưa phong trào vượt thoát khỏi tình thế hiểm nghèo. Đây là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu sự chuyển⁹ biến về tư tưởng chỉ đạo đấu tranh cách mạng ở cấp lãnh đạo cao nhất, sự chuyển hướng mạnh mẽ về hình thức và phương pháp đấu tranh.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng chính là ngọn lửa châm ngòi cho cao trào Đồng khởi trên quy mô lớn tại các địa phương ở Nam Bộ và Khu 5. Trước năm 1959, trước khi có Nghị quyết 15, các cuộc đấu tranh có tính chất vũ

trạng tự vệ của quần chúng cách mạng, yêu nước chỉ diễn ra lẻ tẻ, tự phát ở một vài địa phương. Từ giữa năm 1959 trở đi đã có hàng loạt cuộc đấu tranh mang tính bạo lực của quần chúng nổ ra ở các địa phương, như Minh Thạnh (Tây Ninh); Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một); Gò Quao, Gò Măng Đa (Đồng Tháp); Tà Lóc, Tà Lết (Bình Định); Tam Ngàn (Bình Thuận); Nóc Ông Tia, Trà Bồng (Quảng Ngãi)... Điều đó báo hiệu một giai đoạn đấu tranh mới đang hình thành. Quá trình khởi nghĩa từng phần ở Miền Nam đã bắt đầu. Như thế, ý nghĩa, tác động của Nghị quyết 15 là trực tiếp, nhanh chóng và rõ rệt, mở ra hướng đi mới cho phong trào đấu tranh ở Miền Nam.

Ngay sau khi có văn bản Nghị quyết 15, Xứ ủy Nam Bộ họp (11-1959), nhận định: tuy địch có gây cho ta nhiều khó khăn nhưng xét về căn bản và toàn cục thì ta đã giành được thế chủ động; cơ sở Đảng vẫn được giữ vững, phong trào quần chúng phát triển cao hơn so với năm 1958; hoạt động vũ trang tuyên truyền phát huy tác động hỗ trợ cho đấu tranh chính trị.

Như vậy, có thể thấy rằng Nghị quyết 15 ra đời là vô cùng cần thiết, đáp ứng đúng đòi hỏi của tình thế cách mạng, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng Việt Nam ở Miền Nam, khi tình thế đã đầy đủ và chín muồi, giải tỏa nỗi bức xúc bị kìm nén và nguyện vọng tha thiết của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Miền Nam. Nghị quyết 15 như ngọn đuốc soi sáng con đường phát triển của cách mạng Việt Nam ở Miền Nam, là cơ sở trực tiếp cho phong trào Đồng khởi nổ ra và giành thắng lợi.

Nghị quyết 15 và tiếp đó là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ 3 (9-1960), đã hoàn chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam ở Miền Nam. Với đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, Đảng ta đã chỉ đạo nhân dân Miền Nam đứng lên tiến hành cuộc Đồng khởi vĩ đại, đánh một đòn chí tử vào hình thức thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ, tạo ra một bước ngoặt đi lên cho cách mạng Miền Nam, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược chiến tranh, chuyển sang tiến hành "chiến tranh đặc biệt" với sự dính líu và sa lầy ngày càng tăng ở Việt Nam.

Nghị quyết 15 đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ đấu tranh cách mạng giải phóng Miền Nam, đánh đổ sự thống trị của Mỹ-Địch, với nhiệm vụ xây dựng, củng cố bảo vệ Miền Bắc, hậu phương lớn và trực tiếp của cách mạng Miền Nam. Đồng thời, Nghị quyết 15 cũng góp phần xác định và giải quyết tốt mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng, đấu tranh bảo vệ hòa bình, giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu hỏi: Từ quan điểm công nghiệp hoá-hiện đại hoá được xác định tại đại hội 8 (1996):
Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và
bền vững, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về các giải pháp phát triển nguồn
nhân lực chất lượng cao của VN trong bối cảnh cách mạng 4.0.**

Theo các chuyên gia, cần có các chính sách, quy định phù hợp nhằm dẫn dắt nguồn lực xã hội vượt qua các thách thức, khó khăn trong phát triển nguồn nhân lực định hướng "công dân toàn cầu" (là những người có khả năng thích ứng sống và làm việc tại nhiều quốc gia) trong nền kinh tế số. Bên cạnh đó, cần bảo đảm nguồn tài chính cho phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nguồn nhân lực từ tất cả các thành viên xã hội.

Đồng thời, cần đổi mới mạnh mẽ giáo dục và đào tạo theo hướng thực hiện cơ chế tự chủ cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ, các kỹ năng sống cũng như thái độ của người công dân toàn cầu. Xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và đào tạo phù hợp chuẩn quốc tế...

Theo PGS.TS Lê Xuân Bá, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, điều kiện để lao động Việt Nam có thể làm việc được ở mọi nơi trên thế giới gồm 4 yếu tố, đó là: ngoại ngữ; kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc; hiểu biết văn hóa nước sở tại; sức khỏe tốt. Tuy nhiên, theo khảo sát, trình độ tiếng Anh của lao động Việt Nam còn rất hạn chế. Cùng với đó, kỹ năng thực hành của lao động Việt Nam còn yếu (mặc dù lý thuyết rất giỏi), lại chưa thực sự có tác phong công nghiệp. Do đó, phải đào tạo người lao động theo hướng có khả năng làm việc ở môi trường quốc tế, các tập đoàn xuyên quốc gia... Lao động Việt Nam phải có năng lực thích ứng cao; có thể tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu. Các trường đại học cần xây dựng chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, tăng cường đào tạo ngoại ngữ; chú trọng đào tạo các kỹ năng cho người học... Để công dân toàn cầu cần gì, thì lao động Việt Nam đáp ứng được cái đó.

Đối với mỗi người lao động, cần phải thích nghi với những yêu cầu của thời kỳ mới bằng cách chủ động học tập, rèn luyện để có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để đón đầu các kỹ thuật, công nghệ mới áp dụng vào nền kinh tế thông minh và công nghiệp hóa./.